

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/3/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thanh Bình.

2/ Bà Nguyễn Thị Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 424/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14/12/2021 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/02/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1978; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 10, khu phố 8, thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Số 60C, đường 18B, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Phạm Đức T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Đường Phan Bội châu, tổ 10, khu phố 8, thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2021, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà và ông Phạm Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Tài vào năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do ông T thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm đến gia đình. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để tìm cách hàn gắn hạnh phúc gia đình và bản thân bà cũng đã cho ông T nhiều cơ hội nhưng ông T vẫn không thay đổi. Ông bà đã ly thân từ năm 2017 đến nay không còn liên lạc, quan tâm thăm hỏi nhau. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn giữa ông bà đã thật sự trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông Phạm Đức T. Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Phạm Thị Thúy K sinh ngày 22/7/2013 và Phạm Đức M sinh ngày 15/11/2007. Trong đơn khởi kiện bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, quá trình tham gia tố tụng, bà H đã rút yêu cầu về tranh chấp quyền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã gửi thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn là ông Phạm Đức T không chấp hành việc triệu tập của tòa án, không tham gia tố tụng nên tòa án không thể lấy lời khai của ông T cũng như tiến hành phiên họp theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng theo triệu tập của Tòa án; Bị đơn chưa thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, không chấp hành theo triệu tập của Tòa án. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông T đã thật sự rạn nứt, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ và đúng pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Khi bà Nguyễn Thị Thu H nộp đơn khởi kiện thì ông Phạm Đức T đang có hộ khẩu tại thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh. Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do và đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là đúng pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Phạm Đức T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Tài vào ngày 27 tháng 4 năm 2007, theo quyển số 01, giấy chứng nhận kết hôn số 74/07. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình tham gia tố tụng, bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với lý do ông T thường xuyên nhậu nhẹt, sống thiếu trách nhiệm với gia đình; vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm. Ông T mặc dù đã biết việc bà H nộp đơn khởi kiện ly hôn tuy nhiên không có ý kiến gì; đồng thời cũng được Tòa án triệu tập đến Tòa án nhiều lần để hòa giải nhưng ông T không đến. Tòa án tiến hành xác minh thì được biết tình cảm giữa vợ chồng ông T bà H có những mâu thuẫn, đã sống ly thân thời gian dài. Từ đó có sở sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông T đã thật sự rạn nứt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân

và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Trong đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu giải quyết phân chia quyền nuôi con. Tuy nhiên quá trình tham gia tố tụng, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để vợ chồng bà H tự thỏa thuận phân chia quyền và nghĩa vụ nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết nội dung này. Nếu sau này các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H là người khởi kiện ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Phạm Đức T là vụ án Hôn nhân và Gia đình. Nghiên cứu tất cả án lệ do Tòa án nhân dân tối cao công bố, không có vụ nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố Nguyễn Thị Thu H ly hôn Phạm Đức T.

2. Về con chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H về tranh chấp quyền nuôi con.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005749 ngày 14/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đức Tài;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Tuấn